

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh khóa IX, kỳ họp thứ 3 về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng tiền phí, lệ phí thu được trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Văn bản số 3081/STC-QLNS ngày 19 tháng 12 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Mức thu lệ phí

Nội dung thu	Mức thu
1. Đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường thuộc thành phố Tây Ninh	
a) Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất:	
Cấp mới	50.000 đồng/giấy
Cấp lại, cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận	25.000 đồng/lần cấp
b) Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất):	

Nội dung thu	Mức thu
Cấp mới	25.000 đồng/giấy
Cấp lại, cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận	20.000 đồng/lần cấp
c) Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai	28.000 đồng/1 lần
d) Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính	15.000 đồng/1 lần
đ) Cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng:	
Cấp mới	30.000 đồng/giấy
Cấp lại, cấp đổi, xác nhận giấy chứng nhận	20.000 đồng/giấy
2. Đối với hộ gia đình, cá nhân tại các khu vực khác:	
a) Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất:	
Cấp mới	25.000 đồng/giấy
Cấp lại, cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận	12.000 đồng/lần cấp
b) Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất):	
Cấp mới	12.000 đồng/giấy
Cấp lại, cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận	10.000 đồng/lần cấp
c) Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai	10.000 đồng/1 lần
d) Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính	7.000 đồng/1 lần
đ) Cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng:	
Cấp mới	15.000 đồng/giấy
Cấp lại, cấp đổi, xác nhận giấy chứng nhận	10.000 đồng/giấy
3. Đối với tổ chức:	
a) Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất:	
Cấp mới	300.000 đồng/giấy
Cấp lại, cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận	50.000 đồng/giấy
b) Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất):	
Cấp mới	100.000 đồng/1 giấy
Cấp lại, cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận	50.000 đồng/giấy
c) Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai	30.000 đồng/1 lần
d) Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính	30.000 đồng/1 lần

Nội dung thu	Mức thu
đ) Cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng:	
Cấp mới	300.000 đồng/giấy
Cấp lại, cấp đổi, xác nhận giấy chứng nhận	50.000 đồng/giấy

Điều 2. Đối tượng nộp lệ phí

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phải nộp lệ phí khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất.

Điều 3. Đối tượng được miễn lệ phí

1. Miễn nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành (ngày 10/12/2009) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.

2. Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn (hoặc sản xuất kinh doanh nông, lâm, ngư nghiệp). Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.

3. Những sai sót do phương pháp đo đạc, xác định hoặc do chủ quản của đơn vị cấp giấy chứng nhận dẫn đến phải điều chỉnh sai sót trong giấy chứng nhận.

4. Điều chỉnh diện tích do bị giải tỏa hoặc hiến, tặng, hoán đổi để xây dựng các công trình công cộng, các công trình phúc lợi xã hội.

5. Một số trường hợp biến động do các nguyên nhân khách quan khác.

Điều 4. Cơ quan thu lệ phí

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Việc thu, nộp lệ phí

1. Tổ chức thu lệ phí nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước.

2. Đơn vị thu lệ phí tổ chức thu, nộp lệ phí theo đúng mức thu lệ phí quy định tại quyết định này. Thông báo hoặc niêm yết công khai mức thu lệ phí tại trụ sở làm việc và tại nơi thu lệ phí.

3. Khi thu lệ phí đơn vị thu lệ phí phải thực hiện lập và giao biên lai cho đối tượng nộp lệ phí theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về phát hành, quản lý, sử dụng ấn chỉ thuế.

4. Các nội dung khác liên quan đến thu, nộp, quản lý, chứng từ thu, công khai chế độ thu lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài

sản gắn liền với đất không đề cập tại Quyết định này được thực hiện theo quy định tại Luật phí và lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ; Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn in, phát hành, quản lý và sử dụng chứng từ thu phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, thay thế Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Lệ phí địa chính) trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính; Tài nguyên và Môi trường; Kho bạc nhà nước tỉnh; Cục Thuế; Thủ trưởng các Sở, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - BTP;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UB.MTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Như Điều 7;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu VT, VP.UBND tỉnh.

30

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

ĐẠI CHỦ TỊCH



Dương Văn Thắng